

PHỤ LỤC
(Kèm theo Công văn số...../SXD-QLNVLXD ngày/....../2025)

STT	Mã căn	Tầng	Block	Diện tích sử dụng (m2)	Phân loại
1	DV01	01	Giữa B1 & B2	340.30	Thương mại - dịch vụ
2	DV02	01	B1	86.09	Thương mại - dịch vụ
3	DV03	01	B1	93.73	Thương mại - dịch vụ
4	DV04	01	B1	87.08	Thương mại - dịch vụ
5	DV05	01	B1	88.46	Thương mại - dịch vụ
6	DV06	01	B1	194.64	Thương mại - dịch vụ
7	DV07	01	A1	120.96	Thương mại - dịch vụ
8	DV08	01	A1	102.32	Thương mại - dịch vụ
9	DV09	01	A1	50.74	Thương mại - dịch vụ
10	DV10	01	A1	77.18	Thương mại - dịch vụ
11	DV11	01	A1	77.52	Thương mại - dịch vụ
12	DV12	01	A1	60.66	Thương mại - dịch vụ
13	DV13	01	Giữa A1 & A2	299.61	Thương mại - dịch vụ
14	DV14	01	A2	60.66	Thương mại - dịch vụ
15	DV15	01	A2	77.52	Thương mại - dịch vụ
16	DV16	01	A2	77.17	Thương mại - dịch vụ
17	DV17	01	A2	50.75	Thương mại - dịch vụ
18	DV18	01	B2	192.922	Thương mại - dịch vụ
19	DV19	01	B2	88.394	Thương mại - dịch vụ
20	DV20	01	B2	86.642	Thương mại - dịch vụ
21	DV21	01	B2	93.242	Thương mại - dịch vụ
22	DV22	01	B2	84.651	Thương mại - dịch vụ
23	DV23	02	Giữa B1 & B2	225.77	Thương mại - dịch vụ
24	DV24	02	B1	67.00	Thương mại - dịch vụ
25	DV25	02	B1	73.63	Thương mại - dịch vụ
26	DV26	02	B1	68.74	Thương mại - dịch vụ
27	DV27	02	B1	70.25	Thương mại - dịch vụ
28	DV28	02	B1	95.33	Thương mại - dịch vụ
29	DV29	02	B1	96.40	Thương mại - dịch vụ
30	DV30	02	B1	99.36	Thương mại - dịch vụ
31	DV31	02	B1	71.32	Thương mại - dịch vụ
32	DV32	02	A1	147.47	Thương mại - dịch vụ
33	DV33	02	A1	81.24	Thương mại - dịch vụ
34	DV34	02	A1	49.23	Thương mại - dịch vụ
35	DV35	02	A1	47.14	Thương mại - dịch vụ
36	DV36	02	A2	47.14	Thương mại - dịch vụ
37	DV37	02	A2	49.23	Thương mại - dịch vụ
38	DV38	02	A2	81.24	Thương mại - dịch vụ
39	DV39	02	A2	147.47	Thương mại - dịch vụ

STT	Mã căn	Tầng	Block	Diện tích sử dụng (m2)	Phân loại
40	DV40	02	B2	71.32	Thương mại - dịch vụ
41	DV41	02	B2	99.36	Thương mại - dịch vụ
42	DV42	02	B2	96.39	Thương mại - dịch vụ
43	DV43	02	B2	95.33	Thương mại - dịch vụ
44	DV44	02	B2	70.25	Thương mại - dịch vụ
45	DV45	02	B2	68.74	Thương mại - dịch vụ
46	DV46	02	B2	73.62	Thương mại - dịch vụ
47	DV47	02	B2	67.00	Thương mại - dịch vụ
48	DV48	16	B1	205.59	Thương mại - dịch vụ
49	DV49	16	B2	205.59	Thương mại - dịch vụ
50	DV50	16	A1	365.10	Thương mại - dịch vụ
51	DV51	16	A2	365.10	Thương mại - dịch vụ
52	TM B11	01+02	B1	112.72	Shophouse
53	TM B11	01+02	B2	112.72	Shophouse
Tổng cộng			53	6,018.03	